TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67**/2022/DS-PT
Ngày: 27/5/2022
V/v: "Tranh chấp về đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: ông Võ Việt Minh

Các Thẩm phán: ông Bích Văn Nhiên và ông Nguyễn Văn Quản

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Trần Việt Quốc – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh B

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2022/TLPT-DS, ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp về đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* ". Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2021/DS-ST, ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo và kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐ-PT, ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: bà **Vũ Thị P**, sinh năm: 1979

Địa chỉ: thôn Tiên Nông, xã Thiệu Long, huyện T, tỉnh T

Nơi cư trú: tổ 61B, khu phố Đông Chiêu, phường Tân Đông Hiệp, thành phố D, tỉnh Bình Dương (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2. Bị đơn: bà **Ngô Thị T**, sinh năm: 1969 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn Tân Minh, huyện H, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Lê Minh T, sinh năm: 1968 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn Tân Minh, huyện H, tỉnh B

3.2 Ông Phạm Văn D, sinh năm: 1978 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: thôn Tiên Nông, xã Thiệu Long, huyện T, tỉnh T

Nơi cư trú: tổ 61B, khu phố Đông Chiêu, phường Tân Đông Hiệp, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3.3 Ông Trần Ngọc T, sinh năm: 1990 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn Tân Minh, huyện H, tỉnh B.

4. Người kháng cáo: bị đơn bà Ngô Thị T và ông Lê Minh T

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Nguyên đơn bà Vũ Thị P trình bày:* bà Vũ Thị P và ông Phạm Văn D là chủ sử dụng đối với đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 869991 ngày 22/9/2010 của UBND huyện H. Năm 2014, bà có xuống kiểm tra đất và ghé nhà bà Ngô Thị T chơi. Bà có nói với bà T về ý định bán diện tích đất này. Bà T đề nghị đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T, nếu có ai mua thì bà T cho xem bản chính và đưa ra giá bán giùm. Do có mối quan hệ quen biết và tin tưởng nên bà đưa bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T.

Qua một thời gian, đất vẫn không bán được. Bà đề nghị bà T đưa lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà T không chịu đưa. Bà liên hệ với Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Minh làm đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà T cản trở. Bà làm đơn đến Ủy ban nhân dân huyện H nhờ can thiệp, bà T lại cho rằng bà thiếu bà T tiền nên giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặc dù, bà không có giấy tờ chứng minh có việc mượn tiền. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Ngô Thị T, ông Lê Minh T phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 869991 ngày 22/9/2010 của Ủy ban nhân dân huyện H mang tên Vũ Thị P, Phạm Văn D.

Cứ mỗi phiên tòa sơ thẩm, bà Ngô Thị T lại khai bà đã đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Ngọc T, rồi bà Nguyễn Thị Đoan T là gây khó khăn trong việc giải quyết án. Bà đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T thì bà T phải có trách nhiệm giao lại cho vợ chồng bà, nên bà chỉ yêu cầu vợ chồng bà Ngô Thị T, ông Lê Minh T phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 869991 ngày 22/9/2010 của UBND huyện H mang tên Vũ Thị P, Phạm Văn D. Còn việc bà T giao cho ai, đó là hành vi trái pháp luật của bà T.

- *Bị đơn bà Ngô Thị T trình bày:* trong quá trình tham gia tố tụng đến trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, bà xác nhận bà đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 869991 ngày 22/9/2010 của UBND huyện H mang tên Vũ Thị P, Phạm Văn D. Tuy nhiên, bà không đồng ý trả, vì bà giữ bản chính để đảm bảo việc vay tiền giữa bà và vợ chồng bà Vũ Thị P, ông Phạm Văn D. Bà P, ông D có mượn số tiền 100.000.000 đồng. Mặc dù không có giấy vay tiền, tuy nhiên bà có những người làm chứng việc vay tiền.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 10/9/2021, bà T cung cấp giấy vay tiền giữa bà T và ông Trần Ngọc T. Bà T vay 100.000.000 đồng và đưa cho ông Thạch giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà P, ông D.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24/12/2021, bà T lại cung cấp 01 tờ giấy photo với nội dung, hiện nay ông Thạch không còn giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Nguyễn Thị Đoan T đang giữ, để bà vay số tiền 100.000.000 đồng.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn D (chồng bà Vũ Thị P) trình bày:* ông thống nhất với lời trình bày của bà Vũ Thị P, không bổ sung gì thêm.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh T (chồng bà Ngô Thị T):* được triệu tập hợp lệ, nhưng không có ý kiến.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc T:* đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2021/DS-ST, ngày: 24 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 164 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị P về việc: "Tranh chấp quyền về tài sản". Buộc vợ chồng bà Ngô Thị T, ông Lê Minh T phải có nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 869991 ngày 22/9/2010 của UBND huyện H mang tên Vũ Thị P, Phạm Văn D cho vợ chồng bà Vũ Thị P, ông Phạm Văn D.

Nếu vợ chồng bà Ngô Thị T, ông Lê Minh T không giao trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, bà Vũ Thị P, ông Phạm Văn D được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, bà Ngô Thị T và ông Lê Minh T kháng cáo đề nghị tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2021/DS-ST, ngày: 24-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, Viện trưởng Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H có Quyết định kháng nghị số 16/QĐ-VKS-DS đề nghị tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 36/2021/DS-ST, 24 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H;

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H có Quyết định số 22/QĐ-VKS-DS rút Quyết định kháng nghị số 16/QĐ-VKS-DS, ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H;

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B có Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKD-DS đề nghị tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án

sơ thẩm số 36/2021/DS-ST, ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn đề nghị tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu ý kiến: trong vụ án này, quan hệ pháp luật là "*Đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp quyền về tài sản*" là không đúng nên đề nghị tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 36/2021/DS-ST, ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H để xác định lại quan hệ pháp luật cho phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc vắng mặt của các đương sự: các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và có đương sự làm đơn xin xét xử vắng mặt. Nên việc Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc xác định quan hệ pháp luật: nguyên đơn bà Vũ Thị P khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Ngô Thị T trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 869991, ngày 22/9/2010 do UBND huyện H cấp cho bà Vũ Thị P và Phạm Văn D.

Khoản 1 Điều 105 Bộ luật dân sự quy định: "*Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản*".

Theo từ điển Tiếng Việt thì: vật là cái có hình khối mà con người có thể nhận biết được: vật báu, vật tuỳ thân, vật chướng ngại, đồ vật... hoặc vật là bộ phận của thế giới vật chất có thể đáp ứng nhu cầu của con người và con người có thể kiểm soát được.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là một bộ phận của thế giới vật chất, được phát hành ra để đáp ứng nhu cầu của con người và con người có thể kiểm soát được. Cho nên nó cũng là một loại tài sản.

Điều 110 Bộ luật dân sự quy định về vật chính và vật phụ:

"*1. Vật chính là vật độc lập, có thể khai thác công dụng theo tính năng.*

2. Vật phụ là vật trực tiếp phục vụ cho việc khai thác công dụng của vật chính, là một bộ phận của vật chính, nhưng có thể tách rời vật chính.

3. Khi thực hiện nghĩa vụ chuyển giao vật chính thì phải chuyển giao cả vật phụ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 01, diện tích 251m^2 ở khu phố 2, thị trấn Tân Minh, huyện H, tỉnh B là tài sản thuộc quyền sử dụng của bà Vũ Thị P và ông Phạm

Văn D. Ông D và bà P đã được Uỷ ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 869991 ngày 22/9/2010. Như vậy, thửa đất số 183, tờ bản đồ số 01, diện tích 251m^2 là vật chính và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BB 869991 ngày 22/9/2010 là vật phụ.

Điều 115 Bộ luật dân sự quy định quyền tài sản: "*Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền, bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác*".

Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền. Quyền sử dụng thửa đất số 183, tờ bản đồ số 01, diện tích 251m^2 ở khu phố 2, thị trấn Tân Minh, huyện H, tỉnh B trị giá được bằng tiền, còn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 869991 ngày 22/9/2010 do UBND huyện H cấp cho bà Vũ Thị P và Phạm Văn D không trị giá được bằng tiền. Nên tranh chấp về đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là tranh chấp về quyền tài sản.

Như vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp là "*Đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*". Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp quyền về tài sản*" là sai. Nên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đề nghị sửa quan hệ pháp luật là đúng.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn.

Bà Vũ Thị P cho rằng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BB 869991 ngày 22/9/2010 do UBND huyện H cấp cho bà Vũ Thị P và Phạm Văn D đang do bà Ngô Thị T chiếm hữu. Bà Ngô Thị T cũng thừa nhận có giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BB 869991 ngày 22/9/2010 do UBND huyện H cấp cho bà Vũ Thị P và Phạm Văn D.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*".

Khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự quy định về quyền đòi lại tài sản: "*Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật*".

Điều 279 Bộ luật dân sự quy định về thực hiện nghĩa vụ giao vật:

"*1. Bên có nghĩa vụ giao vật phải bảo quản, giữ gìn vật cho đến khi giao.*

2. Khi vật phải giao là vật đặc định thì bên có nghĩa vụ phải giao đúng vật đó và đúng tình trạng như đã cam kết; nếu là vật cùng loại thì phải giao đúng số lượng và chất lượng như đã thỏa thuận, nếu không có thỏa thuận về chất lượng thì phải giao vật đó với chất lượng trung bình; nếu là vật đồng bộ thì phải giao đồng bộ.

3. Bên có nghĩa vụ phải chịu mọi chi phí về việc giao vật, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Khoản 1 Điều 356 Bộ luật dân sự quy định trách nhiệm do không thực hiện nghĩa vụ giao vật: "*Trường hợp nghĩa vụ giao vật đặc định không được thực hiện thì bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bên vi phạm phải giao đúng vật đó; nếu vật không còn hoặc bị hư hỏng thì phải thanh toán giá trị của vật*".

Do bà Ngô Thị T giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BB 869991 ngày 22/9/2010 do UBND huyện H cấp cho bà Vũ Thị P và ông Phạm Văn D không có căn cứ pháp luật nên nay bà P yêu cầu bà T phải trả lại là có cơ sở chấp nhận.

Còn việc bà T cho rằng bà đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà P, ông D cho người khác. Đây là hành vi pháp lý đơn phương, không được sự đồng ý của bà Vũ Thị P và ông Phạm Văn D. Bên cạnh đó, tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, bà T cũng không cung cấp đầy đủ họ tên, địa chỉ của người mà bà T cho rằng đang quản lý giấy chứng nhận của bà Vũ Thị P và Phạm Văn D nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết quan hệ này là phù hợp.

[4] Do yêu cầu phản tố của bà Ngô Thị T và yêu cầu độc lập của ông Lê Minh T được đưa ra sau khi Tòa án nhân dân huyện H đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 54/2021/QĐST-DS, cho nên việc Tòa án nhân dân huyện H không thụ lý đơn phản tố của bà Ngô Thị T và yêu cầu độc lập của ông Lê Minh T mà dành cho các đương sự quyền khởi kiện vụ án khác là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật là có căn cứ. Tuy nhiên, trong vụ án này, việc xác định sai quan hệ pháp luật không làm thay đổi bản chất và nội dung vụ án và cũng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các đương sự nên Hội đồng xét xử chỉ điều chỉnh lại cho phù hợp mà không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị T và ông Lê Minh T; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B về sửa quan hệ pháp luật. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2021/DS-ST, ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H về nội dung.

1. Áp dụng: Điều 105, 110, 166, 279 và Điều 356 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị P. Buộc bà Ngô Thị T và ông Lê Minh T phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 869991 ngày 22/9/2010 của UBND huyện H cho bà Vũ Thị P và ông Phạm Văn D.

3. Nếu vợ chồng bà Ngô Thị T, ông Lê Minh T không giao trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thì bà Vũ Thị P và ông Phạm Văn D được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 28 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự và các quy định khác của pháp luật.

4. Về án phí dân sự

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị T, ông Lê Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: bà Ngô Thị T và ông Lê Minh T mỗi người phải nộp 300.000 đồng. Chuyển 600.000 đồng tạm ứng án phí do bà Ngô Thị T và ông Lê Minh T đã nộp ngày 18 tháng 01 năm 2022 theo biên lai số 0007082 và biên lai số 0007081 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H thành án phí.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B;
- TAND huyện H;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

Võ Việt Minh